

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/DS-ST
Ngày 31-01-2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản
giữa bà T và chị L

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Minh

Bà Trần Thị Hải Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1963(vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố số C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Diệu L, sinh năm 1986(vắng mặt)

Địa chỉ Phố Cầu, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Vũ Đức M, sinh năm: 1963(vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố số C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1963(vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố số C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2023 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và vợ chồng chị Nguyễn Thị Diệu L, anh D thông qua bạn bè đã quen biết nhau. Khoảng tháng 7 năm 2021, anh D - chồng của chị L đã chủ động hỏi vay bà số tiền 300.000.000 đồng mục đích giải quyết công việc của anh D, cụ thể là gì bà không biết rõ. Bà đã trực tiếp giao cho anh D nhận số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng làm nhiều lần tại nhà bà, cụ thể mỗi lần bao nhiêu, vào ngày, tháng, năm nào thì bà không nhớ. Bà chỉ nhớ có lần giao tiền cho anh D nhận có anh T1 - Đội trưởng đội 2 - Phòng C công an tỉnh N đi cùng anh D và bà Vũ Thị S là người cùng tổ dân phố với bà đã chứng kiến việc giao nhận tiền giữa bà và anh D. Khi giao tiền cho anh D vay, bà và anh D có lập văn bản giao nhận tiền, văn bản có ghi thỏa thuận về thời hạn trả nợ và lãi suất trả nợ hay không bà không biết vì văn bản này đã được chị Nguyễn Thị Diệu L - vợ của anh D đã nhận lại hết giấy tờ vay mượn mà anh D ký nhận với bà. Chị Nguyễn Thị Diệu L biết việc anh D vay tiền của bà vì bà có thông báo cho chị L biết và chị L cũng thừa nhận việc chồng chị L vay tiền của bà là có thật, chị L nhận trách nhiệm cùng chồng trả bà số tiền này. Hiện nay bà không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bà đã giao tiền cho anh D trực tiếp nhận vay là 300.000.000 đồng. Thực tế thì giữa bà và anh D có thỏa thuận miệng vay tài sản giữa bà và anh D có lãi là 1.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày. Anh D1 đã trả lãi cho bà theo thỏa thuận này được 02 tháng. Từ tháng 9 năm 2021 đến nay chưa trả thêm đồng tiền lãi nào từ khoản nợ gốc này. Hiện tại bà chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc trả lãi của ông D1 về khoản tiền vay này cho bà. Ngày 26/4/2022, chị Nguyễn Thị Diệu L đã trực tiếp đến nhà bà hỏi vay bà số tiền 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng mục đích để giải quyết công việc chung của vợ chồng chị L, cụ thể là gì bà không biết. Ngày 26/4/2022, tại nhà bà, bà giao cho chị Nguyễn Thị Diệu L nhận số tiền 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng không có mặt anh D1 - chồng chị L. Sau khi giao tiền cho chị L nhận, chị L đã viết cho bà “Giấy vay tiền mặt” do chị L trực tiếp viết có nội dung chị L nhận vay của bà tổng số tiền 1.600.000.000 (một tỷ sáu trăm triệu) đồng bao gồm 1.300.000.000 đồng giao chị L nhận ngày 26/4/2022 và 300.000.000 đồng giao cho anh D1 nhận tháng 7 năm 2021. Cũng chính ngày 26/4/2022 chị L đã yêu cầu bà đưa toàn bộ giấy vay nợ mà anh D1 viết biên nhận cho bà giao cho chị L nhận để dùng “Giấy vay tiền mặt” ngày 26/4/2022 của chị L thay thế cho các văn bản anh D1 viết ký nhận vay nợ nên bà đã đưa cho chị L toàn bộ giấy vay nợ mà anh D1 ký nhận với bà. Tại giấy vay tiền mặt chị L viết cho bà, tổng nợ gốc của vợ chồng chị L nợ bà là 1.600.000.000 (một tỷ sáu trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất không ghi trong văn bản thỏa thuận mà chỉ thỏa thuận miệng là có lãi với mức 1.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày. Đối với số tiền gốc 1.300.000.000 đồng do chị L nhận, chị L, anh D1 chưa trả cho bà được đồng tiền lãi nào. Nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị L có trách nhiệm trả bà tiền nợ gốc 1.600.000.000 đồng và lãi suất kèm theo của nợ gốc chưa trả theo quy định pháp luật. Và chồng chị L là anh Bùi Việt D2 có nghĩa vụ liên đới cùng chị L thanh toán số tiền trên.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Diệu L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng chị L không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Diệu L vắng mặt.

Tại bản tự khai anh Bùi Việt D2 trình bày: Anh không vay số tiền 300.000.000 đồng của bà T vào thời gian khoảng tháng 7/2021 như bà T trình bày. Nếu có việc vay mượn thì bà T đã yêu cầu anh viết văn bản. Anh đề nghị Tòa án yêu cầu bà T xuất trình chứng cứ chứng minh việc anh vay mượn tiền của bà T. Đối với việc chị L là vợ anh vay tiền của bà T dùng vào việc gì, vay số tiền bao nhiêu anh không nắm được. Anh không liên quan đến việc vay mượn giữa chị L và bà T. Anh đề nghị Tòa án không triệu tập anh đến để làm việc. Vì lý do bận công việc, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Tại phiên tòa anh Bùi Việt D2 vắng mặt và xin giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai bà Vũ Thị S trình bày: Bà là người cùng làng với bà thắm, ông M. Vào tháng 7/2021, bà T có hỏi vay bà số tiền 50.000.000 đồng để giao cho ông Nguyễn Việt D3 vay, ông D3 sinh năm nào, địa chỉ nào bà không biết chỉ biết bà T nói là cho ông D3 vay lại. Khi bà T gọi hỏi vay tiền, bà T dẫn ông Nguyễn Việt D3 đến ngõ nhà bà nhận tiền và chính bà là người giao tiền cho anh D3 vay 50.000.000 đồng. Khi bà T vay tiền, bà và bà T không lập văn bản, không thoả thuận lãi suất. Vài ngày sau bà T đã trả luôn bà số tiền 50.000.000 đồng. Nếu bà gặp lại người đi cùng bà T, bà cũng không nhận diện được người đi cùng bà T vào vay tiền bà.

Tại Kết luận giám định số 141/K1 – KTHS ngày 28/12/2023 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: Chữ ký, chữ viết dưới mục ký tên của “ Giấy hẹn trả nợ” và dưới mục người vay trong “ Giấy vay tiền mặt” ngày 26/04/2022 so với chữ ký, chữ viết dưới mục Người khai của Phiếu cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư ngày 10/6/2020 và Phiếu thu thập thông tin dân cư ngày 15/01/2019 là do cùng một người viết, ký ra.

Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị Diệu L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số nợ 1.600.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với anh Bùi Việt D2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị L phải nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo: Bà T, ông M, chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T có được xin giải quyết vắng mặt. Chị Nguyễn Thị Diệu L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Anh Vũ Đức M vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Anh Bùi Việt D2 trước đây xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, sau khi xem xét Hội đồng xét xử thấy anh D2 không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi giải quyết vụ án này nên không xác định anh D2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung của hợp đồng vay tài sản: Ngày 26/4/2022, chị Nguyễn Thị Diệu L có ký văn bản với tiêu đề là “ Giấy vay tiền mặt”. Trên cơ sở nội dung các bên ký kết, căn cứ theo Điều 463 Bộ luật dân sự thì đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn. Hợp đồng đã được hai bên thống nhất thỏa thuận, ký kết bởi người có đủ năng lực, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tài sản này là hợp pháp và là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản: Trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên, bà T đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình giao cho chị L với số tiền vay là 1.600.000.000 đồng. Chị L đã nhận đủ số tiền nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Đến thời điểm hiện nay, chị L chưa trả được số tiền gốc nào. Bà T cho rằng hai bên thỏa thuận lãi miệng là 1.000 đồng/1 triệu/1 ngày nhưng không có tài liệu chứng minh. Tại Giấy hẹn trả nợ chị L có đề cập đến tiền lãi nhưng không biết cụ thể là bao nhiêu.

[4] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy: Bà T cho rằng hai bên thỏa thuận lãi miệng là 1.000 đồng/1 triệu/1 ngày nhưng không có tài liệu chứng minh. Tại Giấy hẹn trả nợ chị L có đề cập đến tiền lãi nhưng không biết cụ thể là bao nhiêu. Do không có tài liệu xác định về việc thỏa thuận lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xác định mức lãi suất của hợp đồng vay là 10%/năm. Tuy khoản tiền vay này phát sinh trong quá trình chị L và anh D2 đang là vợ chồng. Nhưng anh D2 không ký tên vào các văn bản nhận tiền cũng không biết chị L vay tiền của bà T dùng vào việc gì. Ngoài ra, bà T khẳng định anh D2 có vay số tiền 300.000.000 đồng trong số tiền gốc và biết việc vay của chị L. Tuy nhiên, không có tài liệu chứng minh. Bà S là người trực tiếp đưa số tiền 50.000.000 đồng cho bà T để cho anh Nguyễn Việt D3 vay tại công nhà bà nhưng chồng chị L là anh Bùi Việt D2 nên không có căn cứ khẳng định việc anh D2 chồng chị L vay tiền của bà T. Căn cứ vào Điều 37 Luật hôn nhân gia đình, khẳng định số tiền chị L vay của bà T là khoản nợ riêng của chị L, không phải là nghĩa vụ chung của vợ chồng. Do đó, anh D2 không có nghĩa vụ

liên đới thanh toán cho bà T. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T buộc anh Bùi Việt D2 có trách nhiệm cùng chị L trả nợ cùng. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với chị L. Khoản tiền vay phát sinh khi ông M và bà T đang là vợ chồng nên buộc chị L phải trả cho vợ chồng bà T, ông M số tiền gốc là 1.600.000.000 đồng. Đồng thời, chị L phải trả số tiền lãi từ ngày 26/4/2022 đến ngày xét xử (31/01/2024) là 282.739.700 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà chị Nguyễn Thị Diệu L phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T và anh Vũ Đức M là 1.600.000.000 đồng tiền gốc và 282.113.700 đồng tiền lãi là phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, cần hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà T. Chị Nguyễn Thị Diệu L có nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Tổng số tiền án phí phải nộp là 68.463.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, ông Vũ Đức M, chị Nguyễn Thị Diệu L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc chị Nguyễn Thị Diệu L có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Đức M, số tiền gồm là 1.600.000.000 đồng tiền gốc và 282.113.700 đồng tiền lãi. Tổng nợ gốc và lãi phải trả là 1.882.113.700 đồng.

2. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Diệu L phải nộp 68.463.000 đồng.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 39.800.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0004914 ngày 20/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, ông Vũ Đức M, chị Nguyễn Thị Diệu L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết..

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì vợ chồng chị Nguyễn Thị T2, anh Vũ Đức M và Chị Nguyễn Thị Diệu L có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Mạnh Cường